

Chương VII. ĐIỀU KIỆN CỤ THỂ CỦA HỢP ĐỒNG

A. Các quy định chung	
E-ĐKC 1.4	Chủ đầu tư là: Tổng Công ty Điện lực miền Bắc. Địa chỉ: Số 11 phố Cửa Bắc, Phường Ba Đình, Thành phố Hà Nội. Đại diện Chủ đầu tư là: Công ty Điện lực Thái Nguyên - Chi nhánh Tổng Công ty Điện lực miền Bắc. Địa chỉ: Số 31, Đường Hoàng Văn Thụ, Phường Phan Đình Phùng, tỉnh Thái Nguyên
E-ĐKC 1.7	Công trình bao gồm: Cung cấp hàng hóa và thi công xây lắp
E-ĐKC 1.10	Địa điểm Công trường tại: tỉnh Thái Nguyên.
E-ĐKC 1.16	Ngày hoàn thành là: 150 ngày kể từ ngày bàn giao mặt bằng thi công.
E-ĐKC 1.17	Ngày hoàn thành dự kiến cho toàn bộ Công trình là: 150 ngày kể từ ngày bàn giao mặt bằng thi công.
E-ĐKC 1.18	Ngày khởi công là: Ngày bàn giao mặt bằng xây dựng.
E-ĐKC 1.19	Nhà thầu là: _____ Địa chỉ: _____ Mã số thuế: _____ Điện thoại: _____ Tài khoản: _____
E-ĐKC 1.29	- Tư vấn quản lý dự án: _____ - Tư vấn giám sát là: _____
E-ĐKC 2.1	Hoàn thành từng phần: Không áp dụng.
E-ĐKC 2.3(i)	Các tài liệu sau đây cũng là một phần của Hợp đồng:
E-ĐKC 5.2	- Giá trị bảo đảm thực hiện hợp đồng: Trước thời điểm hợp đồng có hiệu lực, Nhà thầu sẽ phải nộp một Bảo đảm thực hiện hợp đồng cho Chủ đầu tư (01 bản gốc và 04 bản sao y của Ngân hàng phát hành). Bảo đảm thực hiện hợp đồng được ghi bằng đồng tiền của hợp đồng và phải do một Ngân hàng hoạt động hợp pháp và có uy tín tại Việt Nam hoặc một Ngân hàng nước ngoài (được Chủ đầu tư chấp nhận) phát hành, theo mẫu đã quy định trong Hợp đồng. Trường hợp bảo đảm do một ngân hàng nước ngoài phát hành thì phải phát hành thông qua chi nhánh tại Việt Nam (nếu có) hoặc được một ngân hàng

của Việt Nam xác nhận có quan hệ đại lý với ngân hàng phát hành trên.

- Hình thức đảm bảo thực hiện hợp đồng: Nhà thầu cung cấp một bảo đảm thực hiện hợp đồng theo hình thức thư bảo lãnh do Ngân hàng hoặc tổ chức tín dụng hoạt động hợp pháp tại Việt Nam phát hành và phải là bảo đảm không có điều kiện, không huỷ ngang (trả tiền khi có yêu cầu) theo mẫu số 01.

- Giá trị bảo đảm thực hiện hợp đồng: 3% giá trị hợp đồng tương đương với số tiền là: VND.

- Hiệu lực của bảo đảm thực hiện hợp đồng: Bảo đảm thực hiện hợp đồng có hiệu lực kể từ ngày phát hành bảo lãnh hoặc ngày hợp đồng có hiệu lực (tùy điều kiện nào đến trước) cho đến hết ngày thứ 28 sau khi Nhà thầu hoàn thành tất cả Công việc của Hợp đồng và Chủ đầu tư nhận được Bảo lãnh bảo hành. Trường hợp bảo đảm thực hiện hợp đồng hết hiệu lực trước ngày quy định nêu trên nhưng Nhà thầu vẫn chưa hoàn thành nghĩa vụ hợp đồng, Nhà thầu sẽ chịu trách nhiệm gia hạn hiệu lực Bảo đảm thực hiện hợp đồng và thanh toán chi phí cho việc gia hạn này.

Trong quá trình thực hiện hợp đồng Nhà thầu phải đảm bảo giá trị bảo đảm thực hiện hợp đồng là 3% giá trị của hợp đồng đối với mọi trường hợp.

Tịch thu bảo đảm thực hiện hợp đồng: Chủ đầu tư có quyền tịch thu Bảo lãnh thực hiện hợp đồng trong các trường hợp sau:

+ Nhà thầu từ chối thực hiện hợp đồng khi hợp đồng đã có hiệu lực;

+ Nhà thầu vi phạm thỏa thuận trong hợp đồng;

+ Nhà thầu thực hiện hợp đồng chậm tiến độ do lỗi của mình nhưng từ chối gia hạn hiệu lực của bảo đảm thực hiện hợp đồng;

+ Nhà thầu không gia hạn bảo lãnh đúng hạn theo quy định của Hợp đồng;

+ Chủ đầu tư có bằng chứng trong việc Nhà thầu sử dụng tiền thanh toán cho hợp đồng này sai mục đích.

Trường hợp Dự án được nghiệm thu bàn giao đưa vào sử dụng mà vẫn còn các tồn tại mà Nhà thầu phải khắc phục thì Nhà thầu phải gia hạn bảo lãnh thực hiện hợp đồng.

- Thời gian nhà thầu phải gia hạn bảo đảm thực hiện:

	<p>+ Nếu Nhà thầu chưa hoàn thành nghĩa vụ hợp đồng tại thời điểm 28 ngày trước ngày Bảo đảm thực hiện hợp đồng hết hiệu lực thì Nhà thầu phải gia hạn hiệu lực Bảo đảm thực hiện hợp đồng với giá trị, hiệu lực phù hợp với quy định như trên và nộp cho Chủ đầu tư trước thời điểm hết hiệu lực của Bảo đảm thực hiện hợp đồng tối thiểu 21 ngày.</p> <p>+ Trường hợp hạng mục được nghiệm thu bàn giao đưa vào sử dụng mà vẫn còn các tồn tại mà Nhà thầu phải khắc phục thì Nhà thầu phải gia hạn bảo lãnh thực hiện hợp đồng.</p> <p>- Thời gian sửa chữa sai sót: Trong thời gian bảo hành công trình Nhà thầu phải sửa chữa mọi sai sót, khiếm khuyết do lỗi của Nhà thầu gây ra trong quá trình thi công công trình bằng chi phí của Nhà thầu. Việc sửa chữa các lỗi này phải được bắt đầu trong vòng không quá 10 ngày sau khi nhận được thông báo của Chủ đầu tư về các lỗi này. Nếu quá thời hạn này mà Nhà thầu không bắt đầu thực hiện các công việc sửa chữa thì Chủ đầu tư có quyền thuê một nhà thầu khác (bên thứ ba) thực hiện các công việc này và toàn bộ chi phí cho việc sửa chữa để chi trả cho bên thứ ba sẽ do Nhà thầu chịu và sẽ được khấu trừ vào tiền bảo hành của Nhà thầu và thông báo cho Nhà thầu giá trị trên, Nhà thầu buộc phải chấp thuận giá trị trên.</p>
E-ĐKC 5.4	<p>Thời hạn hoàn trả bảo đảm thực hiện hợp đồng: Bảo đảm thực hiện Hợp đồng sẽ được Chủ đầu tư giải tỏa và trả lại cho Nhà thầu không chậm hơn 28 ngày kể từ khi Nhà thầu hoàn thành nghĩa vụ của Hợp đồng, Dự án được nghiệm thu bàn giao đưa vào sử dụng và Chủ đầu tư nhận được bản gốc Bảo lãnh bảo hành từ Nhà thầu trị giá 5 % giá trị hợp đồng.</p>
E-ĐKC 8.2(d)	<p>Nhà thầu có văn bản trả lời yêu cầu của Chủ đầu tư trong khoảng thời gian không quá 05 ngày, kể từ ngày nhận được văn bản yêu cầu.</p>
E-ĐKC 8.8(a)	<p>Nhà thầu có văn bản thông báo trong khoảng thời gian tối thiểu 03 ngày, trước ngày vật tư, thiết bị được vận chuyển tới công trường</p>
E-ĐKC 8.11	<p>Thời gian di dời vật tư, thiết bị ra khỏi công trường: 07 ngày kể từ ngày biên bản nghiệm thu công trình được cấp.</p>
E-ĐKC 9.3	<p>Nhà tư vấn đưa ra chỉ dẫn trả dưới dạng văn bản trong thời hạn không quá 05 ngày, kể từ ngày nhận được đề nghị chỉ dẫn của các bên liên quan.</p>

E-ĐKC 11.1	Danh sách nhà thầu phụ: _____
E-ĐKC 11.2	Giá trị công việc mà nhà thầu phụ thực hiện không vượt quá: 20% giá hợp đồng
E-ĐKC 11.4	<p>Nêu các yêu cầu cần thiết khác về nhà thầu phụ:</p> <p>Chủ đầu tư chỉ chấp thuận nhà thầu phụ thực hiện các công việc: Thí nghiệm, cài đặt, vận chuyển. Việc sử dụng nhà thầu phụ sẽ không làm thay đổi các nghĩa vụ của nhà thầu chính. Nhà thầu chính phải chịu trách nhiệm về khối lượng, chất lượng, tiến độ và các trách nhiệm khác đối với phần công việc do nhà thầu phụ thực hiện;</p> <p>Nhà thầu không được sử dụng nhà thầu phụ cho công việc khác ngoài công việc Thí nghiệm, cài đặt, vận chuyển;</p> <p>Nhà thầu chịu trách nhiệm lựa chọn, sử dụng các nhà thầu phụ có năng lực và kinh nghiệm đáp ứng yêu cầu thực hiện các công việc được giao.</p> <p>Nhà thầu chịu trách nhiệm thanh toán đầy đủ, đúng tiến độ cho nhà thầu phụ theo đúng thỏa thuận giữa nhà thầu chính với nhà thầu phụ.</p> <p>Nhà thầu không được chuyển nhượng hợp đồng hay giao thầu lại bất cứ phần việc nào của công trình cho các nhà thầu phụ mà không được sự chấp thuận bằng văn bản của Chủ đầu tư trước khi ký hợp đồng với nhà thầu phụ hoặc chuyển nhượng. Nếu nhà thầu tự ý chuyển nhượng hợp đồng hay giao thầu lại bất cứ phần việc nào của công trình thì coi như Nhà thầu vi phạm hợp đồng. Nhà thầu bị Chủ đầu tư phạt 20% tổng giá trị phần chuyển nhượng hay giao thầu lại đó và Nhà thầu phải chấm dứt ngay việc chuyển nhượng hợp đồng hay giao thầu lại đó.</p>
E-ĐKC 19.1	<p>Yêu cầu về bảo hiểm:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đối với VTTB cung cấp, lắp đặt cho công trình: Nhà thầu phải chịu trách nhiệm mua bảo hiểm cho hàng hoá để đảm bảo hàng hoá được đưa đến chân công trình trên cơ sở “tất cả các rủi ro” không kể rủi ro chiến tranh hoặc đình công. - Đối với phần xây lắp: Nhà thầu phải mua bảo hiểm cho vật tư, thiết bị, nhà xưởng phục vụ thi công, bảo hiểm đối với người lao động, bảo hiểm trách nhiệm dân sự với người thứ ba cho rủi ro của nhà thầu. - Bảo hiểm công trình thuộc trách nhiệm của Chủ đầu tư.

E-ĐKC 20.1(a)	Thời gian bảo hành công trình: 18 tháng kể từ khi nghiệm thu bàn giao đưa vào sử dụng.
E-ĐKC 21	Thông tin về Công trường là: tỉnh Thái Nguyên.
E-ĐKC 24	Ngày tiếp nhận, sử dụng Công trường là: Ngày bàn giao mặt bằng thi công xây dựng.
E-ĐKC 27.2	<p>Thời gian để tiến hành hòa giải: 30 ngày kể từ khi phát sinh tranh chấp.</p> <p>Giải quyết tranh chấp: Nếu tranh chấp không thể giải quyết được bằng thương lượng hoà giải thì sẽ được giải quyết thông qua Tòa án Nhân dân Khu vực I – Thái Nguyên.</p>
B. Quản lý thời gian	
E-ĐKC 28	<ul style="list-style-type: none"> - Ngày khởi công: Là ngày bàn giao mặt bằng thi công. - Ngày hoàn thành dự kiến: 150 ngày kể từ ngày bàn giao mặt bằng (kể cả ngày lễ và chủ nhật).
E-ĐKC 29.1	Nhà thầu phải trình Chủ đầu tư Biểu tiến độ thi công chi tiết trong vòng 05 ngày từ ngày ký Hợp đồng.
E-ĐKC 29.4	<ul style="list-style-type: none"> - Thời gian cập nhật Biểu tiến độ thi công chi tiết: 15 ngày/1 lần. - Số tiền giữ lại nếu nộp muộn Biểu tiến độ thi công chi tiết cập nhật: 0 VND.
E-ĐKC 30.7	<p>Các trường hợp khác: Tiến độ thực hiện hợp đồng chỉ được điều chỉnh trong trường hợp sau đây:</p> <ul style="list-style-type: none"> a) Trường hợp bất khả kháng, không liên quan đến vi phạm hoặc sơ suất của các bên tham gia hợp đồng; b) Thay đổi phạm vi công việc, thiết kế, biện pháp thi công do yêu cầu khách quan làm ảnh hưởng đến tiến độ thực hiện hợp đồng; c) Việc bàn giao mặt bằng không đúng với các thỏa thuận trong hợp đồng ảnh hưởng đến tiến độ thực hiện hợp đồng mà không do lỗi của Nhà thầu gây ra.
C. Quản lý chất lượng	
E-ĐKC 33.2	<p>Vật tư, máy móc, thiết bị:</p> <ul style="list-style-type: none"> - VTTB, hàng hóa lắp đặt cho công trình phải mới 100%, chưa qua sử dụng và phải được nghiệm thu trước khi đưa vào lắp đặt cho công trình (bao gồm thiết bị, vật tư, vật liệu).

	<p>- Đối với vật tư thiết bị phải thực hiện lấy mẫu thử nghiệm xác suất để kiểm soát chất lượng. Chỉ được tiến hành lấy mẫu thử nghiệm xác suất khi nhà thầu đã tập kết đầy đủ 100% hàng hóa. Trường hợp khác cần chia tách thành nhiều đợt giao hàng, các bên cần phải thống nhất trước trong thỏa thuận hợp đồng, hoặc có văn bản chỉ đạo riêng của cấp có thẩm quyền. Khi chia tách vẫn phải đảm bảo từng đợt được lấy mẫu thử nghiệm đúng quy định.</p> <p>* Yêu cầu về kiểm tra, thử nghiệm</p> <p>Các kiểm tra và thử nghiệm thực hiện theo các văn bản hướng dẫn thực hiện của Tổng công ty Điện lực miền Bắc; Số lượng sản phẩm dùng cho thử nghiệm nghiệm thu không bao gồm trong số lượng sản phẩm được cung cấp trong bảng phạm vi cung cấp của hợp đồng. Chi phí cho việc nghiệm thu, chứng kiến, thử nghiệm sẽ do nhà thầu chịu.</p> <p>Chi tiết theo yêu cầu tại Chương V, E-HSMT.</p>
D. Quản lý chi phí	
E-ĐKC 40	Loại hợp đồng: Đơn giá cố định
E-ĐKC 41.1	Giá hợp đồng: Cố định.
E-ĐKC 42.1	<p>- Tạm ứng: Việc tạm ứng, thanh toán cho Nhà thầu theo hợp đồng sẽ được thực hiện theo các điều khoản và phương pháp sau đây:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đồng tiền thanh toán: Đồng Việt Nam (VND). - Thời gian nộp bảo lãnh tiền tạm ứng là: Trước khi Chủ đầu tư tạm ứng Hợp đồng cho Nhà thầu thì Nhà thầu phải nộp cho Chủ đầu tư bảo lãnh tạm ứng. - Công ty Điện lực Thái Nguyên sẽ trình Tổng Công ty Điện lực miền Bắc tạm ứng vốn cho Nhà thầu bằng 20% giá trị hợp đồng trước thuế sau khi hợp đồng có hiệu lực, trường hợp được ủy quyền vay vốn thì Công ty Điện lực Thái Nguyên sẽ tạm ứng trực tiếp cho Nhà thầu sau khi chủ đầu tư ký được hợp đồng vay vốn với ngân hàng, dự án đã có mặt bằng và đủ điều kiện để thi công và nhận được đủ các tài liệu và sau: <ul style="list-style-type: none"> + Công văn đề nghị tạm ứng: 03 bản gốc; + Bảo lãnh thực hiện hợp đồng: 01 bộ gốc + 04 bộ sao y của Ngân hàng;

	<p>+ Bảo lãnh tạm ứng tương ứng với giá trị đề nghị tạm ứng theo Mẫu số 02: 01 bộ gốc + 04 bộ sao y của Ngân hàng.</p> <p>- Bảo lãnh tạm ứng phải là bảo lãnh vô điều kiện, không hủy ngang do một Ngân hàng hoạt động hợp pháp tại Việt Nam phát hành với số tiền tương đương số tiền tạm ứng và phải có hiệu lực đến khi chủ đầu tư thu hồi hết số tiền tạm ứng.</p> <p>- Gia hạn bảo lãnh tạm ứng: Nếu Chủ đầu tư chưa thu hồi hết tạm ứng tại thời điểm 28 ngày trước khi Bảo lãnh tạm ứng hết hiệu lực, Nhà thầu phải gia hạn hiệu lực của Bảo lãnh tạm ứng và nộp cho Chủ đầu tư tối thiểu 21 ngày trước khi Bảo lãnh tạm ứng hết hiệu lực. Nếu Nhà thầu không giao nộp đúng hạn, Chủ đầu tư có quyền tịch thu toàn bộ giá trị Bảo lãnh tạm ứng. Mọi chi phí liên quan đến gia hạn, bổ sung giá trị, hiệu chỉnh Bảo lãnh tạm ứng do Nhà thầu chi trả.</p> <p>- Tịch thu bảo lãnh tạm ứng: Chủ đầu tư có quyền tịch thu Bảo lãnh tạm ứng trong các trường hợp sau: (1) Chủ đầu tư có bằng chứng trong việc Nhà thầu sử dụng tiền tạm ứng sai mục đích; (2) Nhà thầu không bổ sung khoản tiền tương ứng vào Bảo lãnh tạm ứng để đảm bảo giá trị Bảo lãnh tạm ứng theo quy định.</p> <p>- Chủ đầu tư có quyền khấu trừ hoặc tịch thu Bảo lãnh tạm ứng trong trường hợp Nhà thầu vi phạm các nghĩa vụ theo hợp đồng.</p> <p>Nếu nhà thầu là nhà thầu liên danh, bất kỳ thành viên nào trong liên danh vi phạm quy định tại các trường hợp trên thì Chủ đầu tư có quyền tịch thu bảo lãnh.</p> <p>- Trong quá trình thực hiện hợp đồng, nếu Chủ đầu tư lựa chọn khấu trừ bất kỳ khoản tiền nào mà Nhà thầu có nghĩa vụ chi trả theo hợp đồng thì sau đó Nhà thầu có trách nhiệm phải bổ sung khoản tiền tương ứng vào Bảo lãnh tạm ứng để đảm bảo giá trị Bảo lãnh tạm ứng như quy định nếu không Chủ đầu tư có quyền tịch thu Bảo lãnh tạm ứng.</p> <p>- Số tiền tạm ứng sẽ được bên giao thầu thu hồi hết ngay lần đầu tiên khi thanh toán.</p>
E-DKC 44.1	<p>Phương thức thanh toán:</p> <p>- Đồng tiền sử dụng để thanh toán hợp đồng là đồng tiền Việt Nam.</p> <p>- Hình thức thanh toán: Chuyển khoản.</p> <p>- Nguồn vốn thanh toán do Tổng Công ty Điện lực miền Bắc bố trí và thanh toán trực tiếp cho các nhà thầu. Nếu được Tổng Công ty</p>

Điện lực miền Bắc ủy quyền vay vốn thì Công ty điện lực Thái Nguyên - Chi nhánh Tổng Công ty Điện lực miền Bắc sẽ thanh toán trực tiếp cho nhà thầu.

- Số lần thanh toán tối đa: 05 lần.

- Chủ đầu tư sẽ thanh toán cho Nhà thầu trên cơ sở khối lượng công việc hoàn thành, được nghiệm thu trong giai đoạn thanh toán và đơn giá tương ứng với các công việc đó đã ghi trong hợp đồng.

- Hồ sơ thanh toán: bao gồm 1 bộ gốc; 04 bản sao và bản scan.

- Hồ sơ thanh toán bao gồm các tài liệu chủ yếu sau:

+ Công văn đề nghị thanh toán: 05 bản gốc;

+ Hóa đơn GTGT: 01 gốc;

+ Bảng xác định giá trị khối lượng công việc hoàn thành theo Phụ lục 03a Nghị định 254/2025/NĐ-CP ngày 19/9/2025: 05 bản gốc;

+ Biên bản nghiệm thu vật tư thiết bị tại chân công trình trước khi đưa và lắp đặt có ký và đóng dấu xác nhận chủng loại, nguồn gốc xuất xứ, số lượng, chất lượng, tình trạng vật tư thiết bị theo quy định của Hợp đồng: 05 bản gốc;

+ Hồ sơ nghiệm thu khối lượng hoàn thành giai đoạn có đại diện Chủ đầu tư và đại diện Nhà thầu (theo mẫu biên bản nghiệm thu chất lượng có ghi khối lượng) hạng mục lắp đặt: 05 bản gốc;

+ Chứng nhận kiểm định của cơ quan PCCC đối với VTTB thuộc hạng mục PCCC (nếu có);

+ Bản vẽ hoàn công, Nhật ký thi công công việc, biên bản nghiệm thu công việc phân lắp đặt VTTB, thi công xây lắp: 05 bộ gốc

+ Nhật ký thi công: 01 gốc + 04 sao;

+ Hồ sơ CO, CQ, test thí nghiệm xuất xưởng, test mẫu điển hình theo quy định EVN, EVNNPC đối với VTTB nhà thầu cung cấp, hồ sơ chất lượng công trình: 02 bản gốc + 03 bản sao;

+ Biên bản bàn giao và phiếu nhập kho VTTB thu hồi có đóng dấu xác nhận của bên nhận VTTB thu hồi [nếu có]: 01 gốc + 04 sao.

- Thời hạn thanh toán: Trong vòng 90 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ thanh toán hợp lệ của Nhà thầu và được Chủ đầu tư chấp thuận cấp vốn.

- Thanh toán tiền bị giữ lại

	<p>+ Mỗi đợt thanh toán, Chủ đầu tư sẽ giữ lại một khoản tiền bằng 10% giá trị mỗi lần thanh toán (Số tiền giữ lại này là tiền Nhà thầu bảo hành công trình theo quy định của nhà nước là 5% và tiền tạm giữ chờ quyết toán công trình là 5%).</p> <p>+ Sau khi bàn giao sản phẩm hoàn thành, hai bên tiến hành nghiệm thu, quyết toán, thanh lý hợp đồng, sẽ thanh toán nốt toàn bộ số tiền còn lại cho Nhà thầu.</p> <p>- Toàn bộ giá trị thanh toán của hợp đồng sẽ được Chủ đầu tư thanh toán vào tài khoản như sau:</p> <p>Tên đơn vị thụ hưởng:</p>
E-ĐKC 45	<p>Điều chỉnh thuế: Được phép.</p> <p>Trong quá trình thực hiện hợp đồng, trường hợp tại thời điểm thanh toán nếu chính sách về thuế có sự thay đổi (tăng hoặc giảm) và trong hợp đồng có quy định được điều chỉnh thuế, đồng thời nhà thầu xuất trình được các tài liệu xác định rõ số thuế phát sinh thì khoản chênh lệch về thuế sẽ được điều chỉnh theo quy định trong hợp đồng.</p>
E-ĐKC 46.1	Phần tiền giữ lại từ số tiền thanh toán là: 10%.
E-ĐKC 47.1(d)	Trường hợp sửa đổi hợp đồng: Không.
E-ĐKC 47.7	Trường hợp đề xuất giải pháp tiết kiệm chi phí được Chủ đầu tư chấp thuận và giúp giảm giá hợp đồng, Chủ đầu tư thanh toán cho Nhà thầu 0 % giá trị giảm giá hợp đồng.
E-ĐKC 49.1	<p>Mức phạt: Tỷ lệ bồi thường thiệt hại là 0,5% giá trị hợp đồng cho mỗi tuần chậm tiến độ. Khi tỷ lệ bồi thường thiệt hại đạt 2% giá trị hợp đồng, Chủ đầu tư có quyền chấm dứt Hợp đồng và tịch thu Bảo đảm thực hiện hợp đồng.</p> <p>- Trong trường hợp Nhà thầu không thực hiện hợp đồng thì sẽ tịch thu bảo lãnh thực hiện hợp đồng.</p> <p>- Các trường hợp vi phạm ngoài việc phải chịu phạt như quy định ở trên, nhà thầu còn phải chịu trách nhiệm hoàn toàn về bồi thường thiệt hại do vi phạm trực tiếp hay gián tiếp gây ra cho Chủ đầu tư hoặc Bên thứ 3.</p> <p>- Mọi trường hợp vi phạm trên được hiểu là do lỗi chủ quan của nhà thầu, các trường hợp này sẽ là cơ sở để Chủ đầu tư xem xét khả năng, năng lực, uy tín của nhà thầu trong việc tham gia thực hiện các gói thầu khác do Chủ đầu tư quản lý.</p>

	<p>- Nếu 03 lần kiểm tra công trình, Chủ đầu tư phát hiện Nhà thầu không có đủ nhân lực bộ máy thi công, máy móc, thiết bị thi công, vật tư thiết bị theo tiến độ cam kết trong hợp đồng và biện pháp, tiến độ tổ chức thi công đã được Chủ đầu tư chấp thuận, Chủ đầu tư có quyền đình chỉ hợp đồng, tịch thu bảo lãnh thực hiện hợp đồng và Nhà thầu còn phải bồi thường toàn bộ thiệt hại do sự vi phạm gây ra.</p> <p>- Các vướng mắc trong thi công gói thầu, Chủ đầu tư triệu tập Nhà thầu họp giải quyết, nếu quá 03 lần, nhà thầu không cử đại diện họp pháp Chủ đầu tư có quyền đình chỉ hợp đồng, tịch thu bảo lãnh thực hiện hợp đồng và Nhà thầu còn phải bồi thường toàn bộ thiệt hại do sự vi phạm gây ra.</p> <p>- Nếu nhà thầu vi phạm về thời gian hoàn thành, chất lượng công việc như quy định tại Hợp đồng mà không do sự kiện bất khả kháng hoặc không do lỗi của Chủ đầu tư gây ra, Nhà thầu sẽ bị phạt hợp đồng do chậm tiến độ, vi phạm chất lượng công việc.</p>
E-ĐKC 49.2	<p>Bồi thường thiệt hại: Áp dụng.</p> <p>Bồi thường thiệt hại trên cơ sở toàn bộ thiệt hại thực tế.</p>
E-ĐKC 49.3	<p>Thưởng hợp đồng: Không áp dụng.</p>
	E. Kết thúc hợp đồng
E-ĐKC 54	<p>Thời gian bàn giao công trình: 05 ngày kể từ ngày đóng điện đưa công trình vào sử dụng.</p>
E-ĐKC 55.1	<p>Thời gian nộp bản vẽ hoàn công: 10 ngày trước khi hoàn thành.</p>
E-ĐKC 55.2	<p>Số tiền giữ lại: 0 VND.</p>
E-ĐKC 56.1(a)	<p>Nhà thầu phải nộp hồ sơ quyết toán công trình trong 15 ngày kể từ ngày nhận được biên bản nghiệm thu đã hoàn thành toàn bộ nội dung công việc theo quy định của hợp đồng.</p>